VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

# THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỪ THỰC TIỄN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ngành: Chính sách công

Mã số:

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Cuộc sống khó khăn, thiếu thốn luôn luôn là một lực cản trên con đường tăng trưởng và phát triển, nghèo (đa chiều) không chỉ là đói, khổ, bệnh tật, dốt, hèn của một cá nhân mà còn gây bất ổn về xã hội, là nguy cơ đe dọa an ninh chính trị, an toàn xã hội…

Đảng và Nhà nước ta từ nhiều năm nay đã đưa xóa đói giảm nghèo là mục tiêu quốc gia. Các mục tiêu cụ thể từ Đại hội XI là "Tập trung giải quyết vấn đề việc làm và thu nhập cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tạo bước tiến rõ rệt về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giảm tỷ lệ hộ nghèo; cải thiện điều kiện chăm sóc sức khỏe cho nhân dân". Đến Đại hội XII, Đảng đưa ra chỉ tiêu quan trọng về xã hội là "Đến năm 2020, tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 40%; tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 65 - 70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25%; tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; có 9 - 10 bác sĩ và trên 26,5 giường bệnh trên 1 vạn dân; tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 80% dân số*; tỉ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 1,0 - 1,5%/năm*".

Chương trình giảm nghèo Việt Nam thu được nhiều thành tựu, phần nào cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng dân tộc và các nhóm dân cư. Những thành tựu giảm nghèo ở Việt Nam thời gian qua đã được quốc tế ghi nhận và đánh giá cao.

Đối với việc thực thi chính sách công, quan trọng nhất là nhìn vào từng địa bàn cơ sở, Chương trình giảm nghèo của Thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua cũng đã đạt được những kết quả nhất định góp phần vào mục tiêu giảm nghèo chung của cả nước. Năm 2015, toàn thành phố chỉ còn 1,03%

hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập bình quân từ dưới 16 triệu đồng/người/năm và 2,64% hộ cận nghèo theo tiêu chí thu nhập bình quân từ 16 triệu đến 21 triệu đồng/người/năm. Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND TP. HCM về Chương trình giảm nghèo bền vững của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 đã đổi tên từ "Chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá" thành "Chương trình giảm nghèo bền vững của Thành phố Hồ chí Minh giai đoạn 2016 - 2020". Nâng mức thu nhập bình quân của hộ nghèo từ dưới 21 triệu đồng/người/năm, và hộ cận nghèo từ 21 triệu đến 28 triệu đồng/người/năm.

Hiện nay, Quận 6 còn 660 hộ nghèo với 3.541 nhân khẩu, trong đó có 286 hộ nghèo dân tộc thiểu số (tỷ lệ 31,19%) với 1.466 nhân khẩu dân tộc thiểu số và 2.701 hộ cận nghèo với 11.824 nhân khẩu, trong đó có 1.049 hộ cận nghèo dân tộc thiểu số (tỷ lệ 32,82%) với 4.568 nhân khẩu dân tộc thiểu số [22,tr.2]

Với thực trạng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo khá cao như vậy Quận 6 đã có những chính sách gì, bằng cách nào để đẩy mạnh chương trình giảm nghèo bền vững, từng bước ổn định cuộc sống và tránh tái nghèo. Đây là vấn đề bức thiết đối với quận 6 cần sớm được nghiên cứu giải quyết.

Thực hiện chỉ đạo của Thành phố, quận 6 đã triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững và đã đạt được nhiều thành tựu. Tuy nhiên, qua thực tiễn trên địa bàn quận 6 nói riêng và TPHCM nói chung công tác giảm nghèo bền vững vẫn còn một số hạn chế như sau:

- Các tiêu chí đánh giá hộ nghèo chưa phù hợp như: nhà ở, bảo hiểm xã hội; Một số lượng không nhỏ các hộ dân còn ỷ lại vào chính sách của nhà nước; Tư tưởng không muốn thoát nghèo của các hộ dân khá phổ biến; Nguy cơ tái nghèo cao khi không còn sự hỗ trợ của xã hội và nhà nước.

- Việc nắm bắt tình hình của các hộ nghèo, hộ cận nghèo của cán bộ chưa thật sự chặt chẽ, còn mang tính hình thức. Không quan tâm và hỗ trợ kịp thời cho các hộ khó khăn đột xuất.

- Số hộ đã thoát nghèo nhưng mức thu nhập còn nằm sát chuẩn nghèo khá nhiều.

Việc thường xuyên rà soát, đánh giá chính sách triển khai ở các địa bàn cơ sở là hết sức cần thiết để có đánh giá và điều chỉnh các chính sách công nói chung và công cuộc xóa đói giảm nghèo nói riêng. Đề tài "Thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững từ thực tiễn Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh" được chọn làm đề tài cho luận văn tốt nghiệp cao học chuyên ngành Chính sách công.

**2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiều chủ trương, nghị quyết, về công tác giảm nghèo, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, tình hình các hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ đặc biệt khó khăn vẫn còn nhiều.

Giảm đói nghèo là mục tiêu thiên niên kỷ, là chương trình quốc gia, là mối quan tâm lớn của các tổ chức quốc tế, đề tài nghiên cứu của nhiều học giả với các bài viết trên các tạp chí, các báo, luận văn, đề tài khoa học và các công trình nghiên cứu. Do hạn chế về số trang, luận văn xin chọn lọc một số nghiên cứu liên quan:

Luận văn thạc sĩ kinh tế "*Giải pháp xóa đói giảm nghèo trên địa bàn huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam"* của Đỗ Thị Dung (2011) nghiên cứu thực trạng xóa đói giảm nghèo trên địa bàn huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; đưa ra được phương hướng và giải pháp xóa đói giảm nghèo trên địa bàn huyện Nông Sơn.

Sách chuyên khảo "*Chính sách xóa đói giảm nghèo - Thực trạng và giải pháp*" do PGS.TS Lê Quốc Lý chủ biên, xuất bản năm 2012: đã nêu một số lý luận về giảm nghèo; những chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về công tác xóa đói, giảm nghèo. Ngoài cơ sở lý luận, cuốn sách tổng kết, đánh giá tổng thể chính sách xóa đói giảm nghèo của Việt Nam một cách khá toàn diện ở thời điểm nghiên cứu.

Tập sách "*23 năm chương trình xóa đói giảm nghèo ở Thành phố Hồ Chí Minh (1992-2015)*" *(Nxb.Tổng hợp T.P.Hồ Chí Minh, 2015)* đã tổng quát các giai đoạn của Chương trình giảm nghèo ở Thành phố; sự lãnh chỉ đạo của Đảng, Nhà nước; những kết quả mà Thành phố đạt được; những kinh nghiệm quý báu đã tích lũy trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xóa đói, giảm nghèo tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Bài viết "*23 năm thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo ở Thành phố Hồ Chí Minh (1992-2015)*" T.P.Hồ Chí Minh, 2015: đã tổng quát các giai đoạn của Chương trình giảm nghèo ở Thành phố; sự lãnh chỉ đạo của Đảng, Nhà nước; những kết quả mà Thành phố đạt được; những kinh nghiệm quý báu đã tích lũy trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xóa đói, giảm nghèo tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Bài viết "*Thành phố Hồ Chí Minh nỗ lực cho công cuộc giảm nghèo bền vững*" của Minh Phước: về việc hoàn thiện các chính sách và tích cực triển khai chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Bài viết "*Chính sách giảm nghèo ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và định hướng hoàn thiện*" của PGS.TS Nguyễn Ngọc Sơn Đại học Kinh tế Quốc dân: đã nêu thực trạng, kết quả của chính sách giảm nghèo và định hướng chính sách giảm nghèo ở Việt Nam trong thời gian tới.

Luận văn thạc sĩ Chính sách công "*Chính sách giảm nghèo bền vững từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*" của Nguyễn Thành Nhân (2015): nghiên

cứu một số vấn đề lý luận về xóa đói giảm nghèo; thực trạng giảm nghèo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; đưa ra được phương hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách giảm nghèo bền vững trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Đề tài luận văn thạc sĩ chính sách công "*Chính sách giảm nghèo bền vững từ thực tiễn quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng"* của Bùi Thế Hưng năm 2015: nghiên cứu một số vấn đề lý luận về xóa đói giảm nghèo; thực trạng giảm nghèo trên địa bàn quận Lê Chân thành phố Hải Phòng; đánh giá những mặt được và chưa được và nguyên nhân; đồng thời đề ra các giải pháp tăng cường thực hiện chính sách giảm nghèo của địa phương.

Đề tài luận văn thạc sĩ Chính sách công " *Chính sách giảm nghèo bền vững từ thực tiễn Quận Tân Phú, TPHCM"* của Phan Thị Kim Phúc ( 2016): nghiên cứu một số vấn đề lý luận về xóa đói giảm nghèo; thực trạng giảm nghèo trên địa bàn quận Tân phú Thành phố Hồ Chí Minh; đánh giá những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong công tác giảm nghèo; đề ra phương hướng và một số giải pháp tăng cường thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững ở nước ta hiện nay…

Nhìn chung, các công trình nêu trên tiếp cận công tác xoá đói giảm nghèo và chương trình giảm nghèo bền vững ở Việt Nam và các địa phương dưới nhiều góc độ khác nhau cả về lý luận và thực tiễn. Theo hiểu biết của cá nhân tôi, đến nay vẫn chưa có nghiên cứu nào đề cập đến vấn đề giảm nghèo bền vững tại địa bàn quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh.

## 3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

### 3.1 Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở tổng kết lý luận về thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững và đánh giá thực trạng thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận 6

Thành phố Hồ Chí Minh, luận văn đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường việc thực hiện chính sách giảm nghèo theo hướng bền vững ở quận 6.

**3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu**

Đề tài xác định 03 nhiệm vụ sau:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận, thực tiễn về chính sách công trong công tác giảm nghèo bền vững ở địa bàn cấp Quận;
- Phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận 6;
- Trên cơ sở chỉ ra hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận 6 và quan điểm chính sách của Nhà nước về xóa đói giảm nghèo, luận văn đề xuất một số giải pháp tăng cường thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững tại Quận 6 – TPHCM.

**4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

**4.1 Đối tượng nghiên cứu**

Tập trung nghiên cứu về thực trạng thực hiện chính sách giảm nghèo theo chương trình giảm nghèo bền vững của Quận 6, TPHCM dưới góc độ chính sách công.

**4.2 Phạm vi nghiên cứu**

Phạm vi không gian: trên địa bàn quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phạm vi thời gian: tập trung nghiên cứu thực trang thực hiện công tác giảm nghèo bền vững, chủ yếu từ năm 2016- 6/2018.

**5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

**5.1 Cơ sở lý luận**

Luận văn sử dụng cách tiếp cận đa ngành để đánh giá nghèo đa chiều và giảm nghèo bền vững, cách tiếp cận chính sách công để hệ thống hóa cơ sở lý luận về thực hiện chính sách giảm nghèo, đánh giá thực trạng thực hiện chính sách giảm nghèo tại quận 6 thành phố Hồ Chí Minh; trên cơ sở đường

lối, chủ trương, quan điểm của Đảng chính sách, pháp luật của Nhà nước về chính sách giảm nghèo bền vững.

**5.2 Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn có sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

- *Phương pháp tổng hợp, thu thập dữ liệu*:để rà soát văn bản chính sách về công tác xóa đói giảm nghèo tại Việt Nam từ 2016-2018 các cấp;

- *Phương pháp phân tích:* trên cơ sở số liệu và dữ liệu thu thập được, luận văn sẽ phân tích theo ý tưởng nghiên cứu để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu.

- *Phương pháp so sánh, đối chiếu:* thực hiện việc so sánh chính sách, kết quả thực hiện xóa đói giảm nghèo ở địa bàn quận 6 giai đoạn hiện tại với những giai đoạn trước để đánh giá thực trạng thực hiện chính sách giảm nghèo trên địa bàn nghiên cứu.

**6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn**

**6.1 Ý nghĩa lý luận**

Qua nghiên cứu những vấn đề lý luận về chính sách giảm nghèo bền vững và thực trạng thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững tại Quận 6 TPHCM. Luận văn rút ra một số kết luận, đề xuất giải pháp về thực hiện chính sách giảm nghèo tại quận 6, TPHCM theo hướng bền vững, dài hạn, hướng đến chất lượng thực thi của chính sách giảm nghèo.

**6.2 Ý nghĩa thực tiễn**

Qua kết quả nghiên cứu thực trạng, luận văn làm rõ những mặt đạt được, chưa đạt được và nguyên nhân, cho thấy những vấn đề thực tiễn triển khai chính sách ở địa bàn cơ sở 1 quận của thành phố Hồ Chí Minh. Thực tiễn cấp quận góp phần cung cấp cơ sở cho các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong việc xác định vấn đề và chuẩn bị những giải pháp chính sách một cách cụ thể trong việc giảm nghèo bền vững.

**7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, đề tài được chia thành 3 chương. Cụ thể như sau:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững ở Việt Nam
- Chương 2: Thực trạng thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững từ thực tiễn Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh
- Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện việc thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững tại Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh

# Chương 1
# CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

## 1.1 Các khái niệm liên quan

Theo Peter Aucoin (1971) "Chính sách công là bao gồm các hoạt động thực tế do chính phủ tiến hành"; William Jenkin (1978) xác định, "Chính sách công là một tập hợp các quyết định có liên quan lẫn nhau của một nhà chính trị hay một nhóm các nhà chính trị gắn liền với việc lực chọn các mục tiêu và các giải pháp để đạt được mục tiêu đó". Để soi chiếu vấn đề thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững, khái niệm chính sách công theo Đỗ Phú Hải (2014) là lựa chọn trong luận văn này, theo đó, "*Chính sách công là tập hợp các quyết định chính trị có liên quan nhằm lựa chọn mục tiêu cụ thể và lựa chọn các giải pháp, các công cụ nhằm giải quyết các vấn đề của xã hội theo mục tiêu tổng thể đã xác định"*.

Về khái niệm nghèo, có thể xem xét quan điểm "*Nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người mà những nhu cầu này đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của địa phương*" của Hội nghị chống đói nghèo khu vực châu Á - Thái Bình Dương do ESCAP tổ chức tại Băng Cốc - Thái Lan tháng 9/1993**.** Bộ Lao động, thương binh và xã hội ghi nhận, n*ghèo là một bộ phận dân cư chỉ có điều kiện thỏa mãn một phần nhu cầu tối thiểu cơ bản của cuộc sống và có mức sống thấp hơn mức sống trung bình của cộng đồng của từng vùng, từng khu vực xét trên mọi phương diện*.

***Chuẩn nghèo của Việt nam giai đoạn 2016-2020***

Xây dựng chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020 theo hướng: sử dụng kết hợp cả chuẩn nghèo về thu nhập và mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; xây dựng mức sống tối thiểu để từng bước đảm bảo an sinh xã hội cho mọi người dân, trước mắt áp dụng chuẩn nghèo chính sách để phân loại đối tượng hộ nghèo, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, cụ thể như sau:

- *Hộ nghèo*: là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ chuẩn nghèo chính sách trở xuống; hoặc có thu nhập bình quân đầu người/tháng cao hơn chuẩn nghèo chính sách nhưng thấp hơn chuẩn mức sống tối thiểu và thiếu hụt từ 1/3 tổng số điểm thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.
- *Hộ cận nghèo*: là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng cao hơn chuẩn nghèo chính sách nhưng thấp hơn chuẩn mức sống tối thiểu, và thiếu hụt dưới 1/3 tổng số điểm thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

*Chính sách giảm nghèo là* tất cả các giải pháp chính sách của Nhà nước và xã hội hay của chính đối tượng thuộc diện nghèo đói, nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư. [3,tr.2]

*Giảm nghèo bền vững*: là một trọng tâm của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011- 2020 nhằm cải thiện và từng bước nâng cao điều kiện sống của người nghèo, trước hết là ở khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các vùng nghèo; thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư, tạo điều kiện cho hộ nghèo bằng các chính sách cụ thể để họ có thu nhập và cuộc sống ổn định, lâu dài thoát nghèo và không tái nghèo. [3,tr.3]

Từ đó ta có thể hiểu khái niệm về chính sách giảm nghèo bền vững và thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững như sau:

*Chính sách giảm nghèo bền vững* là tập hợp các quyết định có liên quan của Nhà nước nhằm lựa chọn mục tiêu, giải pháp, công cụ chính sách để giảm nghèo bền vững, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo, góp phần thu hẹp khoảng cách, chênh lệch về mức sống giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư.

*Thực hiện chính sách giảm nghèo bền vữ*ng: là toàn bộ quá trình chuyển hóa ý chí của Nhà nước về chính sách giảm nghèo bền vững thành hiện thực đến với các đối tượng quản lý là các hộ nghèo nhằm đạt mục tiêu giảm nghèo bền vững, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo, góp phần thu hẹp khoảng cách, chênh lệch về mức sống giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư [3, tr.2]

## 1.2 Nội dung thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững

### *1.2.1 Quan điểm, định hướng chính sách giảm nghèo bền vững*

Xóa đói giảm nghèo là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta là nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người nghèo, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, địa bàn và giữa các dân tộc, nhóm dân cư, sự chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị.[3,tr.1]

Giảm nghèo bền vững là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 được ghi nhận trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI. Nếu không giải quyết, không thực hiện tốt vấn đề giảm nghèo bền vững thì khó có thể thực hiện thành công chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011- 2020. Giảm nghèo bền vững còn là cam kết của Việt Nam trong thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc. Vì thế, giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ, là giải pháp quan trọng, cấp bách để hướng tới thực hiện mục tiêu chung là "Dân giàu nước mạnh". Thực hiện

giảm nghèo bền vững phải gắn với phát triển bền vững. Các hạn chế bất cập trong chính sách giảm nghèo bền vững và trong tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững cũng đặt ra vấn đề cần phải nghiên cứu hoàn thiện chính sách giảm nghèo bền vững ở Việt Nam hiện nay.

Những chính sách xóa đói giảm nghèo trước đây chưa đạt được các mục tiêu mong muốn, giảm nghèo không bền vững và có nguy cơ tái nghèo rất cao. Do đó Nhà nước buộc phải điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện chính sách giảm nghèo bền vững. Việc bổ sung và hoàn thiện chính sách giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách đặt ra hiện nay. Giảm nghèo bền vững là vấn đề có quy mô rộng lớn và phức tạp không thể giải quyết trong một thời gian nhất định mà chỉ có thể giải quyết thành công bằng các chính sách của Nhà nước với các giải pháp và công cụ hữu hiệu.

Như vậy, cho ta thấy rằng vấn đề chính sách giảm nghèo bền vững còn xuất phát từ các yêu cầu nhiệm vụ thực hiện chức năng xã hội, chức năng quản lý của Nhà nước. Từ các phân tích như trên cho thấy vấn đề giảm nghèo bền vững ở Việt Nam hiện nay là vấn đề quan trọng, bức xúc và cấp bách được đặt ra và cần phải giải quyết bằng chính sách của Nhà nước.

*1.2.2 Mục tiêu của chính sách giảm nghèo bền vững*

**Mục tiêu tổng quát**

Các chính sách giảm nghèo bền vững:

+ Nhằm cải thiện và từng bước nâng cao điều kiện sống của người nghèo một cách bền vững, trước hết là ở khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các vùng nghèo; thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư, tạo điều kiện cho người nghèo vươn lên thoát nghèo. [3,tr.2]

+ Thực hiện giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, tăng thu nhập của người nghèo giai đoạn 2016 - 2020. [16,tr.2]

**Mục tiêu cụ thể:**

+ Thu nhập bình quân đầu người của các hộ nghèo tăng lên 3,5 lần; tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm 1,0 -1,5% năm, riêng các huyện, xã nghèo giảm 4%/năm theo chuẩn nghèo từng giai đoạn;[16,tr.2]

+ Điều kiện sống của người nghèo được cải thiện rõ rệt, trước hết là về y tế, giáo dục, văn hóa, nước sinh hoạt, nhà ở; người nghèo tiếp cận ngày càng thuận lợi hơn các dịch vụ xã hội cơ bản. [3,tr.3]

+ Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở các huyện nghèo; xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn được tập trung đầu tư đồng bộ theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu như: giao thông, điện, nước sinh hoạt.[3,tr.3]

*1.2.3 Công cụ và giải pháp thực hiện chính sách:*

Ở Việt Nam công cụ thực hiện chính sách giảm nghèo được Chính phủ sử dụng nhiều nhất đó là sự can thiệp, tác động trực tiếp đến người nghèo, và qua lợi ích kinh tế cụ thể như sau:

**Chính sách hỗ trợ giảm nghèo chung, gồm:*

*Hỗ trợ về giáo dục và đào tạo:* Thực hiện có hiệu quả chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học bổng, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh nghèo ở các cấp học, nhất là bậc mầm non…;

*Hỗ trợ sản xuất, dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo:* Tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo tiếp cận các nguồn vốn, gắn với việc hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, khuyến công và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất; thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, nhất là hộ có người khuyết tật, chủ hộ là phụ nữ.

*Hỗ trợ về nhà ở:* Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo khu vực nông thôn, miền núi để cải thiện nhà ở, ưu tiên hộ nghèo ở người cao tuổi, người khuyết tật.

*Hỗ trợ về y tế và dinh dưỡng:* Thực hiện có hiệu quả chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ cận nghèo; xây dựng chính sách hỗ trợ người nghèo mắc bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo. Ưu đãi đầu tư trước để đạt chuẩn cơ sở bệnh viện, trạm y tế ở các huyện, xã nghèo.

*Hỗ trợ người nghèo hưởng thụ văn hóa, thông tin:* Tổ chức thực hiện tốt chương trình đưa văn hóa, thông tin về cơ sở; đa dạng hóa các hoạt động truyền thông, giúp người nghèo tiếp cận các chính sách giảm nghèo, phổ biến các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, gương thoát nghèo.

*Hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý:* Thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo hiểu biết quyền, nghĩa vụ của mình, chủ động tiếp cận các chính sách trợ giúp của Nhà nước, vươn lên thoát nghèo.

*Các giải pháp xóa đói giảm nghèo được chính phủ lựa chọn:

Để sớm hình thành đồng bộ và thực hiện tốt hệ thống thể chế kinh tế - xã hội, thúc đẩy nhanh và bền vững của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cần bảo đảm các giải pháp sau:

*Một là,* tăng nguồn lực đầu tư và cân đối nguồn lực trung hạn của Nhà nước cho các chính sách, chương trình giảm nghèo; lựa chọn chính sách để ưu tiên phân bổ, sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn lực; bảo đảm lồng ghép chính sách và nguồn lực có hiệu quả. Thúc đẩy việc kết nối phát triển kinh tế – xã hội giữa các vùng khó khăn với các vùng phát triển. Thực hiện chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng, hỗ trợ thị trường phù hợp đặc điểm vùng nhằm thu hút doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư, phát triển

sản xuất kinh doanh và cơ sở hạ tầng, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ, nâng cao khả năng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường tại các địa bàn nghèo, địa bàn khó khăn, địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Kết hợp chặt chẽ giữa chính sách giảm nghèo với phát triển kinh tế – xã hội và quốc phòng – an ninh;

*Hai là,* thực hiện chính sách hỗ trợ có điều kiện gắn với đối tượng, địa bàn và thời hạn thụ hưởng nhằm tăng cơ hội tiếp cận chính sách và khuyến khích sự tích cực, chủ động tham gia của người nghèo. Duy trì bổ sung một số chính sách hỗ trợ phù hợp đối với hộ mới thoát nghèo, hộ cận nghèo;

*Ba là,* tăng nguồn vốn ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; điều chỉnh đối tượng, mức vay, lãi suất, thời hạn cho vay phù hợp gắn với chính sách khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm, khuyến ngư, chuyển giao khoa học kỹ thuật, xây dựng, nhân rộng mô hình thoát nghèo gắn kết với cộng đồng dân cư trên địa bàn;

*Bốn là,*ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng và phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, huyện nghèo, xã nghèo, xã biên giới, xã an toàn khu, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo. Giải quyết cơ bản tình trạng hộ đồng bào dân tộc thiểu số không có đất ở và giải quyết đất sản xuất hoặc chuyên đổi nghề cho ít nhất 80% hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn đang thiếu đất sản xuất; kết hợp đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo chưa được hỗ trợ đất sản xuất, đồng thời có chính sách giải quyết tình trạng di dân không theo quy hoạch của một số địa phương;

*Năm là,* nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và tỷ lệ đào tạo nghề khu vực nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số; phân luồng đào tạo nghề hợp lý, hiệu quả; duy trì các chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên thuộc hộ

nghèo, hộ cận nghèo; nâng cao tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi ở địa bàn khó khăn , đặc biệt khó khăn; phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú với qui mô phù hợp, đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đào tạo cử tuyển gắn với sử dụng;

*Sáu là,* điều chỉnh cơ cấu đầu tư cho lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và chính sách bảo hiểm y tế để đảm bảo tăng cơ hội tiếp cận các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe cho người nghèo, người cận nghèo;

*Bảy là,* tăng cường công tác nhà nước; hoàn thiện cơ chế điều hành, phân công đầu mối chịu trách nhiệm chính, phân cấp đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể cho địa phương; cải cách thủ tục hành chính và phương thức để người dân, cộng đồng tham gia và tiếp cận chính sách giảm nghèo; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức tự vươn lên thoát nghèo. [15, tr.3]

**Bảng 1.1. Các chính sách Trung ương đã ban hành hỗ trợ công tác giảm nghèo**

| **Số văn bản** | **Ngày ban hành** | **Ngày có hiệu lực** | **Nội dung** |
|---|---|---|---|
| Chính sách hỗ trợ về nhà ở | | | |
| Quyết định 167/2008/QĐ-TTg | 12/12/2008 | 11/01/2009 | về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở |
| Quyết định 67/2010/QĐ-TTg | 29/10/2010 | 25/12/2010 | Về bổ sung thêm đối tượng là các hộ nghèo, có khó khăn về nhà ở |
| Thông tư 41/2014/TT-NHNN | 16/12/2014 | 25/12/2014 | Về hỗ trợ hộ nghèo xây nhà ở phòng, tránh bão tại khu vực miền trung |
| Chính sách hỗ trợ y tế cho người nghèo | | | |
| Nghị định | 15/11/2014 | 01/01/2015 | quy định chi tiết hướng dẫn một |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 105/2014/NĐ-CP | | | số điều Luật Bảo hiểm y tế; |
| Thông tư liên tịch số 41/2014//TTLT-BYTBTC | 24/11/2014 | 24/11/2014 | về hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế |
| Quyết định 538/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 | 29/3/2013 | 29/3/2013 | Về phê duyệt Đề án thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân giai đoạn 2012 – 2015 và đến 2020; |
| Quyết định 705/QĐ-TTg | 08/5/2013 | 08/5/2013 | về nâng mức hỗ trợ đóng thẻ bảo hiểm y tế cho một số đối tượng người thuộc hộ cận nghèo,và 100% cho hộ nghèo được khám chữa bệnh |
| Chính sách tín dụng đối với hộ nghèo | | | |
| Nghị định số 78/2002/NĐ-CP | 04/10/2002 | 19/10/2002 | về tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trong Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo; |
| Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg | 23/02/2013 | 16/04/2013 | về tín dụng đối với hộ cận nghèo; |
| Quyết định số 157/2007/QĐ-CP | 27/9/2007 | 01/10/2007 | về tín dụng đối với học sinh, sinh viên. |
| Chính sách hỗ trợ giáo dục cho người nghèo | | | |
| Nghị định số 86/2015/NĐ-CP | 02/10/2015 | 01/12/2015 | Về quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | năm 2015-2016 đến năm học 2020 -2021 |
| Chính sách hỗ trợ đất sản xuất, nước sinh hoạt | | | |
| Thông tư liên tịch 04/2013/TTLT-UBDT-BTC-BTNMT | 18/11/2013 | 02/01/2014 | về phê duyệt chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn. |
| Chính sách hỗ trợ về trợ giúp pháp lý cho người nghèo | | | |
| Luật trợ giúp pháp lý 2017 | 20/06/2017 | 01/01/2018 | |
| Quyết định số 32/2016/QĐ-CP | 8/8/2016 | 22/9/2016 | về chính sách hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo giai đoạn 2016 - 2020. |
| Quyết định số 678/QĐ-TTg | 10/5/2011 | 10/5/2011 | về phê duyệt Chiến lược phát triển trợ giúp pháp lý ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. |

Nguồn:*Tác giả tổng hợp*

*1.2.4 Phân công trách nhiệm, phối hợp thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững*

Xóa đói giảm nghèo vừa là chủ trương lớn, nhất quán của Đảng, Nhà nước vừa là sự nghiệp của toàn dân. Công cuộc giảm nghèo nhanh, bền vững là nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo sâu sát, cụ thể và đồng bộ của các cấp chính quyền, sự phối hợp tích cực của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân;

Nhằm thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo bền vững, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 12/6/2012 về thành lập Ban chỉ đạo Trung ương về giảm nghèo bền vững thời kỳ năm 2011 đến năm 2020. Căn cứ vào nhiệm vụ được phân công trong Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững và căn cứ vào chức năng quản lý Nhà nước được phân công, các cơ quan Nhà nước là thành viên Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững ở các cấp có trách nhiệm chỉ đạo điều hành thực hiện chương trình giảm nghèo của cấp mình quản lý sao cho đạt hiệu quả.

Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững được thành lập theo từng cấp từ Trung ương đến các tỉnh, thành phố, đến các quận, huyện thuộc tỉnh,thành phố, rồi đến cấp cơ sở xã, phường, thị trấn. Các thành phần tham gia Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững các cấp được Chính phủ quy định đồng bộ từ Trung ương đến cấp xã, phường, thị trấn.

**Hộ nghèo, hộ cận nghèo*

Tham gia thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững với vai trò cung cấp thông tin như: mức độ nghèo, đối tượng nghèo, kết quả thực hiện chính sách, tác động của công cụ chính sách. Những nội dung mà các hộ nghèo, hộ cận nghèo cung cấp có ý nghĩa rất quan trọng trong việc tổ chức thực thi và đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững tại địa phương. Để các cơ quan Nhà nước kịp thời rút kinh nghiệm, sửa chữa, bổ sung các quy định của chính sách cho phù hợp, sát với nhu cầu của người nghèo.

Người nghèo có trách nhiệm tiếp nhận những thông tin tuyên truyền, tiếp cận với dịch vụ xã hội cơ bản và thực hiện một cách hiệu quả chính sách giảm nghèo bền vững khi được các cơ quan Nhà nước tại địa phương triển khai; nhận thức được những lợi ích của chương trình, những chính sách hỗ trợ của Nhà nước với phương châm "Giúp cần câu thay vì cho con cá" để từ đó có ý chí phấn đấu tự lực vươn lên trong cuộc sống của bản thân và gia đình

mình để thoát khỏi đói nghèo, tránh tái nghèo, vươn lên làm giàu hợp pháp; góp phần hạn chế phân hóa giàu nghèo, thực hiện công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội.

**Các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội*

Tham gia vào thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững với tư cách nhà tài trợ hoặc tư cách phối hợp. Phần lớn các doanh nghiệp chỉ hoạt động thông qua hình thức tài trợ cho các hoạt động chính sách. Các tổ chức chính trị - xã hội như: Mặt trận Tổ quốc và các hội đoàn thể thuộc Mặt trận (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh) do bản chất chính trị xã hội, nên các cơ quan này thường là cầu nối gắn kết hoạt động giữa doanh nghiệp với người nghèo trong công tác giảm nghèo bền vững.

Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế…có trách nhiệm tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Nhà nước về giảm nghèo bền vững đến từng đối tượng thụ hưởng chính sách (như: người nghèo, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ, trẻ em, người khuyết tậtvà các đối tượng chính sách khác…), tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chương trình xóa đói giảm nghèo của quốc gia, và của địa phương.

*1.2.5 Đánh giá thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững*

Đánh giá định kỳ việc tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững, mức độ kịp thời, đúng chế độ các chính sách an sinh xã hội như: Chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo; Chính sách hỗ trợ người nghèo về y tế, hỗ trợ về giáo dục - đào tạo; Hỗ trợ hộ nghèo khó khăn về nhà ở; Hỗ trợ tiền điện… Đánh giá mức độ cải thiện đời sống của người dân, đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ chính sách được quan tâm, chăm sóc toàn diện, mức độ giảm bớt khó khăn của người nghèo được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, tỷ lệ thoát nghèo so với tiến độ, mục tiêu, nhiệm vụ đề ra theo Nghị

quyết số 80/NQ-CP của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 – 2020 trong phạm vi cả nước; được chỉ đạo tổ chức thực hiện từ cơ sở xã, phường trở lên, có sự tham gia của người dân với nội dung đánh giá cụ thể.

## 1.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách

### *1.3.1 Tăng trưởng kinh tế*

Sự tăng trưởng kinh tế có tác động rất lớn đến mục tiêu giảm nghèo của đất nước. Kết quả tăng trưởng kinh tế thể hiện tình trạng sức khỏe của đất nước, đồng thời tăng trưởng kinh tế cũng quyết định mọi chủ trương, định hướng liên quan đến công tác giảm nghèo.

Vì thế, việc cân đối huy động nguồn lực để đáp ứng yêu cầu cũng trở nên khó khăn hơn. Chuẩn nghèo được nâng lên thì nhiều hộ vừa thoát nghèo có khả năng tái nghèo cao. Những hộ có thu nhập nằm ngay sát chuẩn nghèo thì lại rơi vào tình trạng nghèo theo chuẩn mới. Có thể thấy rằng diện hộ nghèo cũng sẽ tăng theo chuẩn mới đòi hỏi để giải quyết vấn đề giảm nghèo tăng lên trong khi nguồn vật chất, tài chính của nhà nước và xã hội còn hạn chế, chưa ổn định.

### *1.3.2 Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa*

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa dẫn đến sự hình thành nhiều dự án, khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng được đầu tư mở rộng, vì thế nhiều diện tích đất của người dân sẽ được thu hồi để phục vụ cho những dự án, công trình để phát triển kinh tế. Chính đều này đã làm cho nhiều hộ dân, người dân ở những nơi này bị mất đất, phải di dời đến nơi ở mới không đáp ứng được các điều kiện phát triển kinh tế gia đình, không kịp chuyển đổi nghề nghiệp hoặc không có tay nghề, phải đi làm kinh tế ở những thành thị hoặc những vùng ven đô với mức thu nhập thấp, không ổn định, không có điều kiện tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản và phải đối mặt với nhiều rủi ro về

sức khỏe, việc làm, tệ nạn xã hội nên nguy cơ rơi vào tình trạng khó khăn, nghèo đói của nhóm này rất cao.

*1.3.3 Thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường*

Hiện nay, mức độ tàn phá, ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng. Đó là những nhân tố trực tiếp làm tăng mức độ và phạm vi của đói nghèo ở Việt Nam. Tình trạng ô nhiễm môi trường tại các khu đô thị, các khu công nghiệp ngàycàng nghiêm trọng là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân. Điều này làm tăng nguy cơ mắc các bệnh tật nặng ảnh hưởng đến sức lao động, làm giảm thu nhập do sức khỏe yếu và kéo theo các chi phí cho sức khỏe, bệnh tật khiến người lao động càng nghèo thêm.

Tình trạng thiên tai liên tục xảy ra như: bão, lũ, hạn hán… kéo dài làm cho một bộ phận không nhỏ của người dân bị ảnh hưởng trong nuôi, trồng phát triển kinh tế. Các chính sách hỗ trợ vay vốn của Nhà nước cũng không phát huy hết hiệu quả cho các hộ sản xuất, kinh doanh tại những vùng thuờng xuyên bị thiên tai. Dịch bệnh cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả sản xuất, kinh doanhvà chính sách giảm nghèo của Nhà nước.

*1.3.4 Năng lực tổ chức, quản lý của bộ máy nhà nước các cấp*

Có thể thấy, bộ máy nhà nước các cấp còn nhiều hạn chế từ công tác xây dựng, thực thi, đánh giá chính sách. Công tác tổ chức, quản lý quá cồng kềnh và chồng chéo giữa các cơ quan ngang cấp với nhau. Đây cũng là nhân tố tác động đến mục tiêu giảm nghèo bền vững của đất nước, nhưng thường bị xem nhẹ và chậm đổi mới. Tính chất và mức độ hành chính quan liêu của các cấp đã ảnh hưởng đếnviệc giải quyết vấn đề giảm nghèo; Tình trạng lãng phí ngày càng tăng trong quá trình đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, quá trình triển khai thực hiện các dự án kinh tế - xã hội; Tình trạng tham nhũng ngày càng nghiêm trọng và phổ biến không chỉ tác động đến chất lượng và hiệu quả phát

triển mà còn trực tiếp tác động đến đời sống vật chất và niềm tin của nhân dân.

**Tiểu kết chương**

Đảng và Nhà nước ta quan tâm đến công tác giảm nghèo, đó là một chủ trương đúng đắn, và là một trong những mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong các quyết sách phát triển theo hướng bền vững của Đảng và Nhà nước ta.

Theo chủ trương trên Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách, giải pháp chương trình xóa đói giảm nghèo, rồi đến giảm nghèo bền vững, góp phần đưa hàng triệu hộ gia đình, hàng chục triệu người đã thoát khỏi đói nghèo, vươn lên làm giàu; góp phần hạn chế phân hóa giàu nghèo, thực hiện công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội.

Chương 1 thống nhất các khái niệm liên quan đến đề tài luận văn, hệ thống hóa các chính sách, giải pháp giảm nghèo đã ban hành, tổ chức triển khai việc thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững tiếp cận từ chính sách công.

Việc thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững ở cấp quận như Quận 6 thành phố Hồ Chí Minh sẽ triển khai trên cơ sở tuân thủ các chính sách đang còn hiệu lực của chính phủ, dưới sự chỉ đạo của các cấp được phân công trách nhiệm, phối hợp đồng bộ và đánh giá có sự tham gia của các đối tượng thụ hưởng.

# Chương 2
# THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNGTẠI QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

## 2.1 Đặc điểm tự nhiên, điều kiện kinh tế – xã hội của Quận 6

Quận 6 là quận nằm ở vùng ven nội thành, nằm ở phía Tây Nam Thành phố Hồ Chí Minh. Với tổng số dân 253.474 dân. Phía Bắc ngăn cách với quận 6 và Quận 11 bởi rạch Lò Gốm, đường Tân Hóa và đại lộ Hồng Bàng. Phía Đông giáp ranh với Quận 5 dọc theo đường Nguyễn Thị Nhỏ, đường Lê Quang Sung và đường Ngô Nhân Tịnh. Phía Nam ngăn cách bởi Quận 8 bởi sông Bến Nghé. Phía Tây giáp ranh Bình Tân, có ranh giới là đường An Dương Vương. Quận có 14 phường, 58.166 hộ gia đình với 256.489 nhân khẩu (người hoa chiếm tỷ lệ trên 26%). Trên địa bàn quận có chợ Bình Tây là một trong những trung tâm buôn bán lớn của cả nước, có bến xe Chợ Lớn nên thu hút một lượng lớn người dân nhập cư từ các nơi tập trung để sinh sống và tìm kiếm việc làm.

Về cơ sở hạ tầng: đã được quận 6 đặc biệt quan tâm: đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng 20 tuyến đường giao thông chính cùng với các tuyến đường hẻm. Nâng cấp các cầu như cầu Đặng Nguyên Cẩn, cầu Ông Buông 1 và 2…kênh Lò gốm cũng được nâng cấp và mở rộng cùng với việc nâng cấp mở rộng, cải tạo hệ thống bưu chính viễn thông, điện lực, nguồn nước sinh hoạt… nhiều khu nhà lụp xụp, nhà ổ chuột, nhà ven kênh trước đây nay đã được di dời, bố trí tái định cư theo dự án nâng cấp đô thị thành phần số 4. Bên cạnh đó, quận đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trường THPT Nguyễn Tất Thành, trường TH Phú Định, nâng cấp mở rộng diện tích sử dụng trường THCS Lam Sơn.

Về lĩnh vực văn hóa – xã hội: tiếp tục được tập trung, đảm bảo các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi công cộng cho dân cư. Quận 6 luôn quan tâm và tập trung tổ chức các hoạt động phục vụ vui chơi cho trẻ em như đầu tư xây dựng khu vui chơi giải trí cho trẻ em tại công viên Phú Lâm – Trung tâm văn hóa quận 6 với tổng vốn đầu tư 20 tỷ đồng. Công tác chăm lo bảo vệ sức khỏe cho người dân cũng được quan tâm đặc biệt. Việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các đơn vị y tế quận, phường được cải thiện rõ nét ( xây dựng bệnh viện, và 3 trạm y tế của 3 phường)

Hệ thống điện, nước: hiện nay 100% hộ dân trong quận được sử dụng điện lưới quốc gia, và sử dụng nguồn nước sạch.

Công tác giáo dục và đào tạo: có thể nói trình độ dân trí ảnh hưởng rất lớn đến khả năng nhận thức và làm việc của con người. Nếu trình độ dân trí thấp, không được đào tạo sẽ làm hạn chế tới việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh, làm giảm năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh… Không những thế, mà nó còn làm hạn chế việc tiếp nhận và chấp hành các chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước. Thấm nhuần chủ trương của Đảng và Nhà nước, Đảng bộ quận 6 có những quan tâm, đầu tư lớn cho sự nghiệp giáo dục trong những năm qua. Vì thế, chất lượng giáo dục ngày càng được nâng lên, mạng lưới trường lớp được đầu tư đúng mức, đáp ứng cơ bản việc dạy và học. Toàn quận có 49 trường gồm: mầm non (15), tiểu học (19), trung học cơ sở (10), phổ thông trung học (4). Đội ngũ cán bộ giáo viên 100% đạt chuẩn. Hệ thống trường lớp tiếp tục được mở rộng, trang thiết bị giảng dạy tiếp tục được đầu tư, đáp ứng nhu cầu học tập của các em của quận 6 và các quận lân cận.

Quận 6 nay đã trở thành đô thị khang trang với hệ thống hạ tầng cơ sở được đầu tư đồng bộ. Trong đó, hạ tầng giao thông đầu tư kết nối với hệ thống hạ tầng xã hội được thực hiện hoàn thành đưa vào sử dụng như: trụ sở

cơ quan hành chính từ quận đến phường, Bệnh viện quận, Trung tâm Văn hóa Thể dục thể thao, Trung tâm Dạy nghề, Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị quận, Câu lạc bộ thể dục thể thao ….,nhiều công trình nhà ở đã được chỉnh trang, cải tạo và xây dựng mới nhiều chung cư và nhiều công trình khác tạo nên sự khang trang về cơ sở hạ tầng, đem lại diện mạo đô thị mới cho quận 6.

Trong những năm qua, việc triển khai thực hiện chính sách giảm hộ nghèo tăng hộ khá đã phần nào đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người nghèo. Đặc biệt, với xuất phát điểm thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao (8,52%) Quận đã chủ động xây dựng và triển khai Chương trình trọng điểm về giảm nghèo, tăng hộ khá, Nghị quyết 08, Nghị quyết 10 của Quận ủy lãnh đạo thực hiện đa chiều các giải pháp chăm lo hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, huy động nhiều nguồn lực lấy sức dân chăm lo cho dân để giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và giúp các hộ nghèo thoát nghèo bền vững.

Công tác giảm nghèo tuy đạt được những thành quả quan trọng nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Các tiêu chí đánh giá hộ nghèo chưa phù hợp như: nhà ở, bảo hiểm xã hội,… Một số lượng không nhỏ các hộ dân còn ỷ lại vào chính sách của nhà nước. Tư tưởng không muốn thoát nghèo của các hộ dân khá phổ biến. Nguy cơ tái nghèo cao khi không còn sự hỗ trợ của xã hội và nhà nước. Việc nắm bắt tình hình của các hộ nghèo, hộ cận nghèo của cán bộ chưa thật sự chặt chẽ, còn mang tính hình thức. Chưa quan tâm và hỗ trợ kịp thời cho các hộ khó khăn đột xuất. Số hộ đã thoát nghèo nhưng mức thu nhập còn nằm sát chuẩn nghèo khá nhiều.

Như vậy để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận 6 nhiệm kỳ 2015-2020 đã đề ra là hoàn thành trước thời hạn Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2015-2020; thu nhập bình quân hộ nghèo đến năm 2020 cao hơn mức chuẩn của thành phố từ 10-15%, đây là vấn đề khó khăn,

thách thức cho quận 6. Do đó, để giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo và đồng thời nâng thu nhập bình quân hộ nghèo, quận 6 cần có những chính sách mạnh dạn, đầu tư hợp lý, tranh thủ sự hỗ trợ của các cấp các ngành. Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững của quận phải có kế hoạch, giải pháp cụ thể, thiết thực, tập trung có trọng tâm, trọng điểm nhằm thực hiện có hiệu quả về công tác giảm nghèo bền vững.

## 2.2 Thực trạng triển khai chính sách giảm nghèo bền vững tại quận 6

### *2.2.1 Quán triệt quan điểm, định hướng chính sách giảm nghèo bền vững của cấp trên*

Thực hiện theo chỉ đạo của Thành phố về tiêu chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2016 – 2020 và đáp ứng các mục tiêu đề ra. Quận 6 trong những năm qua đã phát triển kinh tế ổn định theo định hướng chuyển dịch cơ cấu "Thương mại, dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng hiện đại hóa", hàng năm sản lượng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của quận tăng bình quân từ 15 - 17%. Tổng mức bán ra và doanh thu thương mại dịch vụ tăng bình quân trên 25% năm. Mặc dù sự phát triển kinh tế xã hội của quận góp sức rất lớn cho công tác giảm nghèo của quận. Nhưng cũng chính sự phát triển đó đã phát sinh nhiều nhân tố gây ảnh hưởng đến công tác giảm nghèo của quận như là: Sự phát triển kinh tế xã hội dẫn đến làm gia tăng tỷ lệ dân nhập cư. Gia tăng dân số đồng nghĩa gia tăng nhu cầu việc làm, nhu cầu nhà ở, dịch vụ công ích, làm quá tải trường học, bệnh viện, phát sinh nhiều tệ nạn xã hội, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Tỷ lệ người lao động có tay nghề còn thấp, vệ sinh môi trường còn nhiều hạn chế… Những điều này sẽ tác động không nhỏ đến chất lượng cuộc sống của người nghèo và cận nghèo, làm họ khó thoát nghèo và dễ bị tái nghèo cao, sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách giảm nghèo đối với các hộ nghèo ở quận.

Từ năm 2016- 2018, Thành phố Hồ Chí Minh nói chung và quận 6 nói riêng đã ban hành rất nhiều chính sách hỗ trợ cho công tác giảm nghèo. Tuy nhiên, kết quả vẫn chưa đáp ứng được mục tiêu đề ra như: số hộ nghèo vừa thoát nghèo nhưng thu nhập vẫn ở sát chuẩn nghèo còn nhiều, nguy cơ tái nghèo cao…

Qua nghiên cứu sẽ cho thấy được những thuận lợi,khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững ở Quận 6 trong gian qua. Từ đó đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững ở Quận 6 trong thời gian tới.

***Chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 như sau:**

-*Hộ nghèo Thành phố*: là những hộ dân Thành phố (có hộ khẩu thường trú hoặc tam trú KT3) có 01 hoặc 02 tiêu chí sau đây:

+ Có thu nhập bình quân từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống

+ Có tổng số điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) từ 40 điểm trở lên.

Trong đó, hộ nghèo Thành phố được chia thành 03 nhóm hộ để ổ chức thực hiện các chính sách tác động hỗ trợ giảm nghèo theo thứ tự ưu tiên sau:

*Nhóm 1:* là hộ dân có thu nhập bình quân từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống và có điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) từ 40 điểm trở lên.

*Nhóm 2:* là hộ dân có thu nhập bình quân từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống và có điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) dưới 40 điểm.

*Nhóm 3:* là hộ dân có thu nhập bình quân trên 21 triệu đồng/người/năm (không nghèo thu nhập) và có điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) từ 40 điểm trở lên.

*-Hộ cận nghèo Thành phố*: là những hộ dân Thành phố (có hộ khẩu thường trú và tạm trú KT3) có 02 tiêu chí sau:

+ Có thu nhập bình quân từ trên 21 triệu đồng/người/năm đến 28 triệu đồng/người/năm.

+ Có tổng số điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo dưới 40 điểm.(UBND TP, 2015)

Như vậy, với địa bàn cấp quận, chấp hành chủ trương của Nhà nước và định hướng của Chính phủ, thành phố Hồ Chí Minh, việc triển khai thực hiện các mục tiêu giảm nghèo bền vững được cụ thể hóa. Việc tổ chức thực hiện tại địa bàn quận 6 sẽ thống nhất với các quy định, quy chuẩn của thành phố Hồ Chí Minh

*2.2.2 Đặt ra các mục tiêu giảm nghèo bền vững tại quận 6*

Thực hiện Chương trình trọng điểm của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ quận 6 lần thứ XI đề ra về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2015-2020; và Nghị quyết số 03-NQ/QU ngày 15/7/2016 của Quận Ủy về lãnh đạo thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững. Quận 6 đã đề ra các mục tiêu như sau:

Tải bản FULL (69 trang):
https://bit.ly/3fQMUu2 Dự phòng:
fb.com/KhoTaiLieuAZ

*Mục tiêu tổng quát:

- Nhằm đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo, không để tái nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo người dân tộc thiểu số tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục – đào tạo; y tế; việc làm và bảo hiểm xã hội; điều kiện sống; tiếp cận thông tin)

- Nhằm từng bước cải thiện nâng cao mức sống, điều kiện sống và chất lượng cuộc sống , đảm bảo giảm nghèo bền vững góp phần vì một quận 6 có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình. Qua đó, cùng với Thành phố hoàn thành chương trình giảm nghèo bền vững

*Mục tiêu cụ thể**:**

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt chỉ số đo trình độ nghề giai đoạn 2016-2020; phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu trước hạn 1 năm, cụ thể tỷ lệ giảm bình quân theo khảo sát bảng tổng hợp tình trạng thiếu hụt các chiều xã hội trên địa bàn quận là 2.349 /4.113 hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt trình độ nghề

- Năm 2016: giảm 10,6% tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo (249 người)

- Năm 2017: giảm 29,8% tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo (700 người)

- Năm 2018: giảm 29,8% tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo (700 người)

- Đảm bảo 100% con em hộ cận nghèo đang đi học được hưởng chính sách miễn, giảm học phí; phấn đấu 100% học sinh,sinh viên thuộc hộ cận nghèo được nhận học bổng; đảm bảo 100% con em hộ cận nghèo trong độ tuổi đi học phải đến lớp ở bậc tiểu học và trên 90% con em hộ cận nghèo trong độ tuổi đi học phải đến lớp bậc phổ thông.

- Phấn đấu 100% thành viên hộ cận nghèo, hộ vượt chuẩn cận nghèo có thẻ bảo hiểm y tế.

Tài bản FULL (69 trang):
https://bit.ly/3fQMLu2 Dự phòng:
fb.com/KhoTaiLieuAZ

*2.2.3 Lựa chọn công cụ và giải pháp giảm nghèo bền vững tại Quận 6*

Chính sách giảm nghèo bền vững bao gồm các chính sách hỗ trợ cho người nghèo thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia, do đó để chính sách này đi vào cuộc sống thực tiễn của người dân trên địa bàn toàn quận 6 thì cấp chính quyền quận, phường ban hành kế hoạch với những mục tiêu, lộ trình cụ thể để triển khai rộng rãi đến tất cả cán bộ công chức, khu phố, tổ dân phố để huy động cả hệ thống chính trị địa phương và các tầng lớp người dân cùng phối hợp tham gia tập trung chăm lo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Các thành viên giảm nghèo bền vững của quận như: Phòng giao dịch ngân hàng chính sách, Hội chữ thập đỏ, Hội Liên hiệp phụ nữ, quân đoàn 6, Trung tâm dạy nghề…. đã ban hành các kế hoạch liên tịch triển khai thực hiện chính sách trợ giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tích cực phối hợp để kéo giảm

các chiều thiếu hụt về dịch vụ xã hội, cơ bản. Cụ thể qua các chính sách giảm nghèo được triển khai tại quận 6 gồm:

*Chính sách cho vay ưu đãi và tín dụng nhỏ như:* quỹ hỗ trợ giảm nghèo của quận hỗ trợ vay vốn với lãi suất thấp (0,5% tháng) cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, các hộ sản xuất kinh doanh vừa và nhỏ; quỹ quốc gia việc làm (quỹ 61) hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo bị thu hồi đất nông nghiệp, lao động là người dân tộc thiểu số,..; quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố HCM như: quỹ 156 (0,17%/tháng); quỹ tín dụng đối với học sinh, sinh viên(0,55%/tháng); cho vay đi làm việc tại nước ngoài (0,55%/ tháng); quỹ hỗ trợ phụ nữ làm kinh tế (0,7%/tháng); quỹ trợ vốn cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (quỹ CEP) lãi suất (0,21%/tuần)…

*Chính sách đào tạo nghề và giải quyết việc làm:* được triển khai rộng rãi đến từng UBND phường, hệ thống chính trị, ban điều hành khu phố, tổ dân phố và đồng bào dân tộc thiểu số được biết và thực hiện.

*Chính sách hỗ trợ chăm sóc sức khỏe*: hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo mua thẻ Bảo hiểm y tế, chi phí khám chữa bệnh, tiền ăn khi điều trị bệnh nội trú; hỗ trợ khám chữa bệnh cho hộ nghèo mắc bệnh hiểm nghèo; nâng cao chất lượng dân số; về cung cấp dinh dưỡng cho phụ nữ và trẻ em nghèo; hỗ trợ chi phí phẫu thuật tim, tiền ăn và đi lại cho trẻ em nghèo và bệnh tim bẩm sinh.

*Chính sách giáo dục cho học sinh sinh viên:* hỗ trợ chi phí học tập cho các em hộ nghèo và hộ cận nghèo; miễn giảm 100% học phí cho sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo…

*Triển khai các mô hình giảm nghèo:* Chương trình "Giảm nghèo bền vững" luôn được Đảng ủy, UBND phường xác định là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, từ đó huy động sự đoàn kết, nổ lực của toàn hệ thống chính trị và

sự đồng thuận của người dân. Để góp sức chung cho công tác giảm nghèo của quận, 14 phường xây dựng kế hoạch triển khai các mô hình giúp nhau vượt nghèo. Căn cứ tình hình thực tế của từng phường mà xây dựng mô hình phù hợp. Cụ thể như: phường 5 có mô hình " Kết nối tiểu thương, hộ kinh doanh chăm lo học phí định kỳ hàng tháng, đột xuất cho sinh viên, học sinh hộ nghèo, hộ cận nghèo và đảm bảo công việc đầu ra giải quyết việc làm cho sinh viên"; phường 9 thì lại có mô hình " gia công tại nhà, tăng thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo"; phường 11 với mô hình " Đồng hành cùng hộ nghèo, hộ cận nghèo"….

Đồng thời, Đảng ủy 14 phường cũng xây dựng Nghị quyết chuyên đề về thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững năm 2016, 2017, 2018 triển khai đến ban ngành đoàn thể phường , chi bộ khu phố và toàn thể đảng viên. UBND và Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững 14 phường đã xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện với nhiều giải pháp hiệu quả như: tổ chức rà soát lại thu nhập, các chiều thiếu hụt về dịch vụ xã hội cơ bản, các nhu cầu của hộ nghèo, hộ cận nghèo của Thành phố, đưa các chính sách của Thành phố, quận, phường đến cán bộ, công chức, đảng viên , đoàn viên, hội viên 14 phường, đến từng khu phố và các hộ dân trên địa bàn để giúp mọi người hiểu đầy đủ hơn, xem việc thực hiện giảm nghèo là nhiệm vụ chung của toàn xã hội.

* Các giải pháp cụ thể

*Quận đã triển khai các mô hình giảm nghèo:* Chương trình "Giảm nghèo bền vững" được Đảng ủy, UBND phường xác định là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, từ đó huy động sự đoàn kết, nổ lực của toàn hệ thống chính trị và sự đồng thuận của người dân. Để góp sức chung cho công tác giảm nghèo của quận, 14 phường xây dựng kế hoạch triển khai các mô hình giúp nhau vượt nghèo. Căn cứ tình hình thực tế của từng phường mà xây dựng mô hình